

Bản án số: 1405/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 12 - 2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mây;

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1736/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1799/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thương H; Nơi thường trú: 5 Ấp N, xã B, huyện H, TP . - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T; Nơi thường trú: A Khu phố C, phường T, Quận A, TP . - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Thương H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Huỳnh Minh T chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2008, đăng ký ngày 01/3/2008 tại UBND xã B, huyện H, TP ..

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bà H tự thấy bản thân không chu toàn được mọi việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Bà đã cố gắng khắc phục những hạn chế để gia đình hòa thuận nhưng không có cải thiện. Từ giữa năm 2023 bà đã đưa con ra ngoài ở riêng, vợ chồng không còn sống chung và ly thân đến nay. Nay, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không muốn Tòa án tiếp tục hòa giải nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/6/2009 và Huỳnh Kim P1, sinh ngày 26/3/2013. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn nhưng ông Huỳnh Minh T không đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Thương H có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông Huỳnh Minh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; gửi Thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thương H được ly hôn với ông Huỳnh Minh T. Về con chung: Giao cả 02 con tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/6/2009 và Huỳnh Kim P1, sinh ngày 26/3/2013 cho bà Võ Thị Thương H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Võ Thị Thương H không yêu cầu ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Võ Thị Thương H và ông Huỳnh Minh T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 01/3/2008 tại UBND xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Võ Thị Thương H có yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Minh T, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A thì ông Huỳnh Minh T có đăng ký thường trú và đang ở tại địa chỉ: A Khu phố C, phường T, Quận A, TP ., nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Võ Thị Thương H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt bà. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Minh T cũng vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thương H yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Minh T do tính tình không hòa hợp, bà H tự thấy bản thân không chu toàn được mọi việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã. Bà đã cố gắng khắc phục những hạn chế để gia đình hòa thuận nhưng không có cải thiện. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên từ giữa năm 2023 bà H đã đưa con ra ngoài ở riêng và vợ chồng sống ly thân đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”, nhưng theo trình bày của bà H thì trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà tự thấy bản thân không chu toàn được mọi việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã, chứng tỏ vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau; vợ chồng cũng không còn sống chung từ giữa năm 2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập ông Huỳnh Minh T đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến, điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc, không quan tâm; chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thương H.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị Thương H khai có 02 (hai) con tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/6/2009 và Huỳnh Kim P1, sinh ngày 26/3/2013; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Theo sự thừa nhận của bà H thì trẻ Huỳnh Gia P hiện đang sống với ông T, trẻ Huỳnh Kim P1 đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông Huỳnh Minh T không đến tòa án để thể hiện ý kiến có yêu cầu trực tiếp nuôi con hay không nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, sự phát triển bình thường của trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ là muốn được sống với mẹ, nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ Huỳnh Gia P và Huỳnh Kim P1 cho bà Võ Thị Thương H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung bà H khai không có nên không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Thương H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thương H được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 01/3/2008 tại UBND xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) con tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/6/2009 và Huỳnh Kim P1, sinh ngày 26/3/2013. Giao cả hai con cho bà Võ Thị Thương H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Thương H không yêu cầu ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị Thương H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0022649 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp